

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU  
CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

*“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:*

**I. Giới thiệu:**

1.1. Tên dự án: Dự án thành phần số 5: ĐTXD công trình (GD 3), Khu KTQP Bát Xát, tỉnh Lào Cai/Quân khu 2 (hạng mục các công trình phổ thông).

1.2. Chủ đầu tư: Đoàn Kinh tế Quốc phòng 345.

1.3. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

1.4. Địa điểm xây dựng: - Xã A Mú Sung (gồm xã A Mú Sung và xã Nậm Chạc theo quy hoạch); xã Y Tý, xã Trịnh Tường, tỉnh Lào Cai.

- Xã Cao Sơn (gồm xã Tả Thành, La Pán Tẩn theo quy hoạch), xã Pha Long (gồm xã Tả Gia Khâu, Dìn Chinh theo quy hoạch), tỉnh Lào Cai.

1.5. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư xây dựng khu KTQP Bát Xát góp phần phát triển kinh tế - xã hội trong vùng dự án, góp phần cải thiện và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tổ chức phát triển sản xuất, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn; trên cơ sở bố trí lại dân cư theo quy hoạch của địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hình thành các cụm làng xã biên giới, tạo vành đai biên giới trong thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Hoàn thiện cơ sở vật chất doanh trại bảo đảm sinh hoạt, học tập, công tác của bộ đội góp phần xây dựng doanh trại “chính quy, xanh, sạch, đẹp” góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội.

1.6. Quy mô sơ bộ:

**A. Công trình đường giao thông nông thôn:** Nâng cấp cải tạo kết hợp xây dựng mới 11 tuyến đường giao thông nông thôn có tổng chiều dài khoảng 24km, cụ thể:

a. Nâng cấp tuyến đường liên thôn Tả Cồ Thành - Lao Chải xã Trịnh Tường dài khoảng 0,75 km.

b. Làm mới tuyến Đường Khoang Thuyền đi Ngám Xá (đường vào khu SX) - Nậm Chạc (Xã A Mú Sung) dài khoảng 2,45 km.

c. Nâng cấp đường trục thôn Ngải Trô - xã A Mú Sung dài khoảng 0,94 km.

d. Làm mới tuyến đường Séo Phìn Chur- Cầu Thiên Sinh- A Lù (Xã Y Tý) dài khoảng 1,72km.

đ. Làm mới đường thôn Phìn Hồ đi Lão Thẩn - xã Y Tý dài khoảng 1,35km.

e. Làm mới đường vào khu sản xuất thôn Cán Cấu II - Tả Thành (Xã Cao Sơn) dài khoảng 5,9km.

f. Nâng cấp đường Sín Pao Chải - Pạc Tà, Xã Pha Long (Tả Gia Khâu cũ) dài khoảng 1,2km.

g. Làm mới đường Lùng Sán Chồ - Phìn Chư, Xã Pha Long (xã Dìn Chìn cũ) dài khoảng 3,22 km.

h. Làm mới đường vào thôn Nậm Giang 1, Xã A Mú Sung (xã Nậm Chạc cũ) dài khoảng 2,3 km.

i. Làm mới đường vào khu sản xuất chè mới thôn Nậm Khoang, Xã A Mú Sung (xã Nậm Chạc cũ) dài khoảng 1,57km.

j. Làm mới đường xuống đường tuần tra biên giới thôn Phù Lao Chải, xã A Mú Sung dài khoảng 2,6km.

### **B. Công trình cấp nước sinh hoạt:**

a. Làm mới đường ống dẫn nước sinh hoạt thôn Bản Lầu (điểm thôn Vĩ Lầu cũ) - xã Trịnh Tường gồm đường ống dẫn dài khoảng 7,56km và đập, bể chứa đồng bộ.

b. Làm mới hệ thống công trình cấp nước sinh hoạt thôn Lao Chải - xã Y Tý dài khoảng 3,2km và đập, bể chứa đồng bộ.

c. Cải tạo, nâng cấp đường nước sinh hoạt thôn Tả Cồ Thành xã Trịnh Tường gồm đường ống dẫn dài khoảng 1,2 km và đập, bể chứa, bể trung chuyển đồng bộ.

d. Làm mới công trình cấp nước sinh hoạt thôn Sín Chải, xã Y Tý gồm đường ống dẫn dài khoảng 2,6km và đập, bể chứa, bể trung chuyển đồng bộ.

đ. Sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình NSH thôn Sảng Lùng Chéng - xã Cao Sơn gồm đường ống dẫn dài khoảng 2km và sửa chữa bể chứa, bể lọc hiện có.

### **C. Công trình thủy lợi:**

a. Làm mới Đập thủy lợi thôn Lao Chải - xã Trịnh Tường: gồm 01 đập thủy lợi.

b. Làm mới đập đầu nguồn thôn Tùng Chín 2 (Dưới nhà văn hóa) xã Trịnh Tường: gồm 01 đập thủy lợi.

c. Làm mới tuyến kênh Sim San 1 - xã Y Tý gồm 01 tuyến kênh 0,25km và 01 đập thủy lợi.

d. Sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Sả Lùng Chéng - xã Cao Sơn chiều dài khoảng 3km.

đ. Kiên cố kênh nội đồng thôn Pa Cheo Phìn B - xã Cao Sơn: gồm 01 đập đầu mối và khoảng 1,48 km kênh.

e. Xây mới hệ thống công trình thủy lợi thôn Lầu Thí Chải -Xã Cao Sơn (xã Tả Thành cũ): gồm 01 đập đầu mối và khoảng 4,8 km kênh.

## **D. Công trình cấp điện:**

a. Làm mới đường dây cáp điện hạ thế 0,4 kV vào thôn Nà Đoong - xã Trịnh Tường gồm đường dây dài khoảng 1,85km và 20 công tơ.

b. Làm mới công trình điện thôn Ngải Thầu Thượng (Nhóm Ma Cho Va), A Lù (Xã Y Tý) dài khoảng 2,68 km và 50 công tơ

c. Làm mới đường đầu tư kéo đường điện 04 kv cho nhóm hộ Ly Hờ Suy thôn Sín Chải, xã Y Tý gồm dài khoảng 1,71km và 22 công tơ.

2. Mô tả khái quát về gói thầu:

+ Tên gói thầu: Gói thầu TV-02: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo NCKT (Hạng mục công trình phổ thông).

+ Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 02 túi hồ sơ.

+ Hình thức lựa chọn nhà thầu: Hợp đồng trọn gói.

+ Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày.

3. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực thực hiện công tác Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Dự án thành phần số 5: ĐTXD công trình (GD 3), Khu KTQP Bát Xát, tỉnh Lào Cai/Quân khu 2 (hạng mục các công trình phổ thông) đảm bảo công trình đạt yêu cầu về chất lượng, kỹ và mỹ thuật đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư.

## **II. Phạm vi công việc:**

### **1. Mục đích khảo sát xây dựng:**

a) Khảo sát địa hình, địa chất, thu thập các tài liệu liên quan phục vụ công tác lập BCNCKT, cụ thể:

- Xác định chính xác vị trí tuyến công trình.
- Thu thập số liệu chính xác về điều kiện địa hình, địa chất khu vực công trình
- Vị trí chi tiết các công trình, các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế công trình như, địa hình, địa chất, thủy văn
- Xác định giới hạn phần đất công trình sử dụng
- Xác định các điểm đầu điện, nước, di chuyển đường điện, nước và các công trình hạ tầng khác trong phạm vi công trình.
- Thực hiện các công tác để có đầy đủ các tài liệu khảo sát cần thiết phục vụ cho lập thiết kế xây dựng công trình
- Xác định được khối lượng, xác định tổng mức đầu tư dự án.
- Đáp ứng yêu cầu thi công công trình.

b) Khảo sát địa chất thủy văn, mỏ vật liệu xây dựng, thu thập các tài liệu liên quan phục vụ công tác lập BCNCKT dự án, nhằm mục đích:

- Làm sáng tỏ và đánh giá cụ thể điều kiện địa chất, thủy văn khu vực các công trình thuộc dự án.

- Xác định nguồn cung cấp vật liệu, cự ly và loại đường vận chuyển vật liệu. Vị trí bãi đổ thải đất đá, cự ly và loại đường vận chuyển đất đá đổ thải.

- Để có đầy đủ các tài liệu khảo sát cần thiết phục vụ cho lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Xác định được khối lượng, xác tổng mức đầu tư dự án.

- Đáp ứng yêu cầu thi công công trình.

c) Tham vấn, khảo sát, điều tra, thu thập thông tin, số liệu phục vụ các nội dung khác trong BCNCKT dự án, bao gồm: Đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư, tính khả thi, tính bền vững dự án;

## **2. Phạm vi khảo sát xây dựng:**

- Xã A Mú Sung (gồm xã A Mú Sung và xã Nậm Chạc theo quy hoạch); xã Y Tý, xã Trịnh Tường, tỉnh Lào Cai.

- Xã Cao Sơn (gồm xã Tả Thàng, La Pán Tản theo quy hoạch), xã Pha Long (gồm xã Tả Gia Khâu, Dìn Chình theo quy hoạch), tỉnh Lào Cai.

## **3. Yêu cầu về việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng.**

### **\* Công trình giao thông:**

- QCVN 07-(1÷10):2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 02:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;

- QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động.

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7570:2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 7571:2019 Thép hình cán nóng;

- TCVN 1651-1:2018; 1651-2:2018 Thép cốt bê tông;

- TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;

- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát;

- TCVN 4054-2005: Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9436-2012: Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 11676-2016: Công trình xây dựng – Phân cấp đá trong thi công;

- TCCS 39:2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông.

- TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường.

- TCCS 40:2022/TCĐBVN: Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông.

- TCCS 41:2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu.

- Một số quy chuẩn, tiêu chuẩn khác theo quy định.

**\* Công trình cấp nước:**

- QCVN 07-(1÷10):2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép -Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7570:2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 1651-1:2018; 1651-2:2018 Thép cốt bê tông;

- TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4419:87 Khảo sát xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;

- TCXDVN 7957-2023 Thoát nước. Mạng lưới bên ngoài và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXD 4513:1988 Cấp nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXD 4474:1987 Thoát nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế;

**\* Công trình thủy lợi (NN&PTNT):**

- QCVN 04-01:2010/BNNPTNT: Tiêu chuẩn quốc gia về thành phần, nội dung hồ sơ thiết kế lập dự án công trình thủy lợi;

- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT: Tiêu chuẩn quốc gia - Công trình thủy lợi, các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 12845:2020 - Tiêu chuẩn quốc gia – Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế kỹ thuật;

- TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 8421:2010 Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu;

- TCVN 8422-2010: Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;

- TCVN 8213:2009 Tính toán và đánh giá hiệu quả kinh tế dự án thủy lợi phục vụ tưới;

- Quy phạm tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế C6 – 77;

- TCVN 9160:2012 Yêu cầu thiết kế - Dẫn dòng trong xây dựng;

- TCVN 9386:2012 Thiết kế công trình chịu động đất;
- TCVN 8216:2018 Công trình thủy lợi - Thiết kế đập đất đầm nén;
- TCVN 8297:2018 Công trình thủy lợi - Đập đất đầm nén - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9162:2012 Công trình thủy lợi - Đường thi công công - tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9152:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi;
- TCVN 9137:2012 Công trình thủy lợi - Thiết kế đập bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 9147: 2012 Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- TCVN 11676:2016 Công trình xây dựng - Phân cấp đất đá trong thi công;
- TCVN 9151:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực công dưới sâu;
- TCVN 9159:2012 Công trình thủy lợi - Khớp nối biến dạng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8636:2011 Công trình thủy lợi - Đường ống áp lực bằng thép - Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế, chế tạo và lắp đặt;
- TCVN 8298:2009 Yêu cầu kỹ thuật trong chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.
- Tài liệu hướng thiết kế của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại các Quyết định số 3953/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/10/2017; số 4569/QĐ-BNN-TCTL ngày 08/11/2017; số 4229/QĐ-BNN-TCTL ngày 19/10/2017; số 3974/QĐ-BNN-TCTL ngày 05/10/2017; số 4570/QĐ-BNN-TCTL ngày 08/11/2017;
- Một số quy chuẩn, tiêu chuẩn khác theo quy định.
- \* Công trình cấp điện:**
- TCVN 5847:2016 về cột điện bê tông cốt thép ly tâm;
- TCVN 2737:2023 tiêu chuẩn Tải trọng và tác động;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện: QCVN-QTĐ-5: 2009/BCT - Tập 5: Kiểm định trang thiết bị hệ thống điện;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện: QCVN-QTĐ-6: 2009/BCT - Tập 6: Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện QCVN-QTĐ-7: 2009/BCT - Tập 7: Thi công các công trình điện;
- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-18-2006 - phần I - Quy định chung;

- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-19-2006 - phần II - Hệ thống đường dẫn điện;
- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-20-2006 - phần III -Trang bị phân phối và TBA;
- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-21-2006 - phần IV – Bảo vệ và tự động;
- Nghị định 14/2014/NĐ-CP, ngày 26/02/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Quyết định số: 1142/QĐ-EVN ngày 16/08/2021 về việc“Quy định về công tác khảo sát phục vụ thiết kế các công trình điện áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam”.

- Quyết định số 318/QĐ-EVN NPC ngày 03/02/2016 v/v Ban hành tạm thời bộ quy chuẩn kỹ thuật lựa chọn thiết bị thống nhất trong Tổng Công ty điện lực miền Bắc;

- Quyết định số 1299/QĐ-EVN ngày 03/11/2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc quy định về công tác thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV;

- Quyết định số 580/QĐ-EVN ngày 20/04/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về công tác thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định 1299/QĐ-EVN ngày 03/11/2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- TCVN 8525:2015 về Máy biến áp phân phối – Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định hiệu suất năng lượng.

- TCXDVN 259:2001: Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm khác theo quy định.

#### **4. Nhiệm vụ lập nhiệm vụ báo cáo Nghiên cứu khả thi.**

##### **4.1. Các căn cứ để lập nhiệm vụ lập Báo cáo NCKT:**

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2013; Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

- Các Nghị định của Chính phủ: Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Quyết định số 6150/QĐ-BQP ngày 01/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng/Quân khu 2;

##### **4.2. Mục tiêu xây dựng công trình:**

Đầu tư xây dựng khu KTQP Bát Xát góp phần phát triển kinh tế - xã hội trong vùng dự án, góp phần cải thiện và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tổ chức phát triển sản xuất, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn; trên cơ sở bố trí lại dân cư theo quy hoạch của địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hình thành các cụm làng xã biên giới, tạo vành đai biên giới trong thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Hoàn thiện cơ sở vật chất doanh trại bảo đảm sinh hoạt, học tập, công tác của bộ đội góp phần xây dựng doanh trại “chính quy, xanh, sạch, đẹp” góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội.

#### **4.3. Địa điểm xây dựng công trình:**

- Xã A Mú Sung (gồm xã A Mú Sung và xã Nậm Chạc theo quy hoạch); xã Y Tý, xã Trịnh Tường, tỉnh Lào Cai.

- Xã Cao Sơn (gồm xã Tả Thàng, La Pán Tẩn theo quy hoạch), xã Pha Long (gồm xã Tả Gia Khâu, Dìn Chình theo quy hoạch), tỉnh Lào Cai.

#### **4.4. Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc của công trình:**

Dự án Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) Khu kinh tế quốc phòng Bát Xát phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng doanh trại Đoàn 345; Quyết định số 1374/QĐ-BQP ngày 25/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Đề án “Xây dựng và phát triển các Khu kinh tế - quốc phòng ở các vùng biên giới, biên, đảo, vùng đặc biệt khó khăn để tăng cường tiềm lực quân sự quốc phòng, sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc gắn với xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn giai đoạn 2026 – 2035, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn Khu KTQP Bát Xát/Quân khu 2 và các quy hoạch khác của địa phương (nếu có).

4.55. Các yêu cầu về quy mô và thời hạn sử dụng công trình, công năng sử dụng, tiêu chuẩn và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với công trình:

##### **4.5.1. Quy mô sơ bộ:**

A. Công trình đường giao thông nông thôn: Nâng cấp cải tạo kết hợp xây dựng mới 11 tuyến đường giao thông nông thôn có tổng chiều dài khoảng 24km, cụ thể:

a. Nâng cấp tuyến đường liên thôn Tả Cò Thàng - Lao Chải xã Trịnh Tường dài khoảng 0,75 km.

b. Làm mới tuyến Đường Khoang Thuyền đi Ngám Xá (đường vào khu SX) - Nậm Chạc (Xã A Mú Sung) dài khoảng 2,45 km.

c. Nâng cấp đường trục thôn Ngải Trờ - xã A Mú Sung dài khoảng 0,94 km.

d. Làm mới tuyến đường Séo Phìn Chư- Cầu Thiên Sinh- A Lù (Xã Y Tý) dài khoảng 1,72km.

đ. Làm mới đường thôn Phìn Hồ đi Lão Thẩn - xã Y Tý dài khoảng 1,35km.

e. Làm mới đường vào khu sản xuất thôn Cán Cấu II - Tả Thàng (Xã Cao Sơn) dài khoảng 5,9km.

f. Nâng cấp đường Sín Pao Chải - Pạc Tà, Xã Pha Long (Tả Gia Khâu cũ) dài khoảng 1,2km.

g. Làm mới đường Lùng Sán Chồ - Phìn Chư, Xã Pha Long (xã Dìn Chin cũ) dài khoảng 3,22 km.

h. Làm mới đường vào thôn Nậm Giang 1, Xã A Mú Sung (xã Nậm Chạc cũ) dài khoảng 2,3 km.

i. Làm mới đường vào khu sản xuất chè mới thôn Nậm Khoang, Xã A Mú Sung (xã Nậm Chạc cũ) dài khoảng 1,57km.

j. Làm mới đường xuống đường tuần tra biên giới thôn Phù Lao Chải, xã A Mú Sung dài 2,6km.

#### B. Công trình cấp nước sinh hoạt:

a. Làm mới đường ống dẫn nước sinh hoạt thôn Bản Lâu (điểm thôn Vĩ Lầu cũ) - xã Trịnh Tường gồm đường ống dẫn dài khoảng 7,56km và đập, bể chứa đồng bộ.

b. Làm mới hệ thống công trình cấp nước sinh hoạt thôn Lao Chải - xã Y Tý dài khoảng 3,2km và đập, bể chứa đồng bộ.

c. Cải tạo, nâng cấp đường nước sinh hoạt thôn Tả Cồ Thành xã Trịnh Tường gồm đường ống dẫn dài khoảng 1,2 km và đập, bể chứa, bể trung chuyển đồng bộ.

d. Làm mới công trình cấp nước sinh hoạt thôn Sín Chải, xã Y Tý gồm đường ống dẫn dài khoảng 2,6km và đập, bể chứa, bể trung chuyển đồng bộ.

đ. Sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình NSH thôn Sảng Lùng Chéng - xã Cao Sơn gồm đường ống dẫn dài khoảng 2km và sửa chữa bể chứa, bể lọc hiện có.

#### C. Công trình thủy lợi:

a. Làm mới Đập thủy lợi thôn Lao Chải - xã Trịnh Tường: gồm 01 đập thủy lợi.

b. Làm mới đập đầu nguồn thôn Tùng Chín 2 (Dưới nhà văn hóa) xã Trịnh Tường: gồm 01 đập thủy lợi.

c. Làm mới tuyến kênh Sim San 1 - xã Y Tý gồm 01 tuyến kênh 0,25km và 01 đập thủy lợi.

d. Sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Sả Lùng Chéng - xã Cao Sơn chiều dài khoảng 3km.

đ. Kiên cố kênh nội đồng thôn Pa Cheo Phìn B - xã Cao Sơn: gồm 01 đập đầu mối và 1,48 km kênh.

e. Xây mới hệ thống công trình thủy lợi thôn Lầu Thí Chải -Xã Cao Sơn (xã Tả Thành cũ) : gồm 01 đập đầu mối và 4,8 km kênh.

#### D. Công trình cấp điện:

a. Làm mới đường dây cáp điện hạ thế 0,4 kV vào thôn Nà Đoong - xã Trịnh Tường gồm đường dây dài khoảng 1,85km và 20 công tơ.

b. Làm mới công trình điện thôn Ngải Thầu Thượng (Nhóm Ma Cho Va), A Lù (Xã Y Tý) gồm đường dây dài khoảng 2,68 km và 50 công tơ

c. Làm mới đường đầu tư kéo đường điện 04 kv cho nhóm hộ Ly Hồ Suy thôn Sín Chải, xã Y Tý gồm đường dây dài khoảng 1,71km và 22 công tơ.

#### 4.5.2. Thời hạn sử dụng:

Theo QCVN 03:2022/BXD của Bộ Xây dựng, Thông tư 06/2021/TT-BXD phân cấp công trình dân dụng cấp III; công trình Giao thông, hạ tầng kỹ thuật, NN&PTNT cấp IV: thì niên hạn sử dụng từ nhỏ hơn 25 năm tới không nhỏ hơn 50 năm.

#### 4.5.3. Công năng sử dụng:

Công năng sử dụng các đảm bảo thuận tiện trong quá trình sử dụng công trình, tiện dụng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan. Các công trình phát huy đầy đủ công năng theo yêu cầu, đảm bảo các mục tiêu của toàn bộ dự án.

#### 4.5.4. Tiêu chuẩn và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với công trình:

##### \* Công trình giao thông:

- QCVN 07-(1÷10):2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 02:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;

- QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động.

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7570:2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 7571:2019 Thép hình cán nóng;

- TCVN 1651-1:2018; 1651-2:2018 Thép cốt bê tông;

- TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;

- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát;

- TCVN 4054-2005: Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9436-2012: Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 11676-2016: Công trình xây dựng – Phân cấp đá trong thi công;

- TCCS 39:2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông.

- TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường.

- TCCS 40:2022/TCĐBVN: Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông.

- TCCS 41:2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu.

- Một số quy chuẩn, tiêu chuẩn khác theo quy định.

##### \* Công trình cấp nước:

- QCVN 07-(1÷10):2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép -Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7570:2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 1651-1:2018; 1651-2:2018 Thép cốt bê tông;
- TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4419:87 Khảo sát xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;
- TCXDVN 7957-2023 Thoát nước. Mạng lưới bên ngoài và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCXD 4513:1988 Cấp nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCXD 4474:1987 Thoát nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế;
- \* Công trình thủy lợi (NN&PTNT):
- QCVN 04-01:2010/BNNPTNT: Tiêu chuẩn quốc gia về thành phần, nội dung hồ sơ thiết kế lập dự án công trình thủy lợi;
- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT: Tiêu chuẩn quốc gia - Công trình thủy lợi, các quy định chủ yếu về thiết kế;
- TCVN 12845:2020 - Tiêu chuẩn quốc gia – Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công – Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 8421:2010 Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu;
- TCVN 8422-2010: Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;
- TCVN 8213:2009 Tính toán và đánh giá hiệu quả kinh tế dự án thủy lợi phục vụ tưới;
- Quy phạm tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế C6 – 77;
- TCVN 9160:2012 Yêu cầu thiết kế - Dẫn dòng trong xây dựng;
- TCVN 9386:2012 Thiết kế công trình chịu động đất;
- TCVN 8216:2018 Công trình thủy lợi - Thiết kế đập đất đầm nén;
- TCVN 8297:2018 Công trình thủy lợi - Đập đất đầm nén - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9162:2012 Công trình thủy lợi - Đường thi công công - tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9152:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi;

- TCVN 9137:2012 Công trình thủy lợi - Thiết kế đập bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 9147: 2012 Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- TCVN 11676:2016 Công trình xây dựng - Phân cấp đất đá trong thi công;
- TCVN 9151:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực công dưới sâu;
- TCVN 9159:2012 Công trình thủy lợi - Khớp nối biến dạng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8636:2011 Công trình thủy lợi - Đường ống áp lực bằng thép - Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế, chế tạo và lắp đặt;
- TCVN 8298:2009 Yêu cầu kỹ thuật trong chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.
- Tài liệu hướng thiết kế của Bôn Nông nghiệp và PTNT tại các Quyết định số 3953/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/10/2017; số 4569/QĐ-BNN-TCTL ngày 08/11/2017; số 4229/QĐ-BNN-TCTL ngày 19/10/2017; số 3974/QĐ-BNN-TCTL ngày 05/10/2017; số 4570/QĐ-BNN-TCTL ngày 08/11/2017;
- Một số quy chuẩn, tiêu chuẩn khác theo quy định.
- \* Công trình cấp điện:
- TCVN 5847:2016 về cột điện bê tông cốt thép ly tâm;
- TCVN 2737:2023 tiêu chuẩn Tải trọng và tác động;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện: QCVN-QTĐ-5: 2009/BCT - Tập 5: Kiểm định trang thiết bị hệ thống điện;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện: QCVN-QTĐ-6: 2009/BCT - Tập 6: Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện QCVN-QTĐ-7: 2009/BCT - Tập 7: Thi công các công trình điện;
- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-18-2006 - phần I - Quy định chung;
- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-19-2006 - phần II - Hệ thống đường dẫn điện;
- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-20-2006 - phần III -Trang bị phân phối và TBA;
- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN-21-2006 - phần IV – Bảo vệ và tự động;
- Nghị định 14/2014/NĐ-CP, ngày 26/02/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Quyết định số: 1142/QĐ-EVN ngày 16/08/2021 về việc “Quy định về công tác khảo sát phục vụ thiết kế các công trình điện áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam”.

- Quyết định số 318/QĐ-EVN NPC ngày 03/02/2016 v/v Ban hành tạm thời bộ quy chuẩn kỹ thuật lựa chọn thiết bị thống nhất trong Tổng Công ty điện lực miền Bắc;

- Quyết định số 1299/QĐ-EVN ngày 03/11/2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc quy định về công tác thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV;

- Quyết định số 580/QĐ-EVN ngày 20/04/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về công tác thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định 1299/QĐ-EVN ngày 03/11/2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- TCVN 8525:2015 về Máy biến áp phân phối – Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định hiệu suất năng lượng.

- TCXDVN 259:2001: Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm khác theo quy định.

### **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

Các báo cáo phải nộp và tiến độ nộp báo cáo thực hiện theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày

### **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

Nhà thầu phải bố trí nhân sự đảm bảo đạt yêu cầu tối thiểu cho từng vị trí, chức danh, đặc biệt các vị trí nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đã đề xuất để thực hiện gói thầu đạt chất lượng, tiến độ theo đúng các quy định hiện hành.

### **V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

Chủ đầu tư cung cấp tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.